TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14/7/2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đặng Văn Thuận
2. Ông Lưu Đình Tâm

- *Thư ký phiên toà*: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa*** *tham gia phiên tòa:* Ông Đoàn Văn Tuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị P; Sinh năm: 1985
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.
Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
- *Bị đơn:* Anh Hoàng Bá T; Sinh năm: 1978
Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2023 và bản tự khai cũng như quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị P trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Hoàng Bá T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 05/12/2009 tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận đến năm 2014 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng cung quan điểm sống nên thường xuyên sảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Đến năm 2016 anh T về quê ở Thanh Hóa để sinh sống, còn chị vẫn ở lại Đắk Nông và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Bá T, sinh ngày 11/08/2007 và Hoàng Bá Th, sinh ngày 02/10/2010. Từ khi vợ chồng sống ly thân

thì cháu T vẫn ở với chị còn cháu Th thì ở với anh T. Nay ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, giao cháu Th cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/6/2023, anh Hoàng Bá T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị P kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông ngày 05/12/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận đến năm 2014 thì sảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do kinh tế vợ chồng khó khăn nhưng vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Từ đó dẫn đến thường xuyên sảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Đến năm 2016, anh muốn gia đình về quê tại Thanh Hóa để sinh sống và cùng nhau vực lại kinh tế nhưng chị P không đồng ý nên anh đã đưa cháu Hoàng Bá Th về sống tại Thanh Hóa. Từ đó, vợ chồng ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị P yêu cầu ly hôn với anh, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị P.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Bá T, sinh ngày 11/08/2007 và Hoàng Bá Th, sinh ngày 02/10/2010. Hiện nay cháu T đang ở với chị P còn cháu Th đang ở với anh. Ly hôn, anh đồng ý giao cháu T cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, anh T không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Hoàng Bá T; Về con chung: Giao cháu Hoàng Bá T, sinh ngày 11/08/2007 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Bá Th, sinh ngày 02/10/2010, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự,

nhưng anh T xin vắng mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh T theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Chị P và anh T đều có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa, chị P và anh T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị P và anh T.

[5]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Hoàng Bá T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 05/12/2009 tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận đến năm 2014 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên sảy ra cãi cọ. Thêm vào đó, do có khó khăn về kinh tế, vợ chồng lại không có tiếng nói chung trong công việc cũng như nơi sinh sống nên mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Đến năm 2016, anh T về quê nhà tại Thanh Hóa để sinh sống, còn chị P vẫn ở lại trong Đắk Nông cùng với bố mẹ đẻ và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này, cả chị P và anh T đều thừa nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương. Đến nay, chị P và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn. HĐXX nhận thấy mâu thẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị P và anh Hoàng Bá T được ly hôn.

[6]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung. Từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu T vẫn ở với mẹ còn cháu Th ở với bố. Bản thân cháu T cũng có nguyện vọng được ở với mẹ còn cháu Th có nguyện vọng được ở với bố. Do đó, nên chấp nhận yêu cầu của chị P và anh T. Giao cháu T cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[7]. Về tài sản: Chị P và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị P và anh Hoàng Bá T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Bá T, sinh ngày 11/08/2007 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Bá Th, sinh ngày 02/10/2010, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị P và anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí DSST

là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số AA/2021/0008067 ngày 06/6/2023. Chị P đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Nguyễn Thị P và anh Hoàng Bá T. Chị P và anh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cúc